

Bản án số: 11/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 26 - 7 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Phương.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thanh Thủy và ông Vũ Minh Doan.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Trường - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXX - ST ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Văn Th, sinh năm 1989.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện X, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hoài Tr, sinh năm 1997.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện Phú X, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Vũ Văn T trình bày:

Anh với chị Nguyễn Thị Hoài T kết hôn với nhau từ tháng 4 năm 2015 là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội (Đăng ký kết hôn số 28, Quyển số 01/2015 ngày 21/4/2015). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn C, xã T, huyện Phú Xuyên. Sau một thời gian chung sống đến cuối năm 2016 vợ chồng bộc lộ sự không hòa hợp về tính cách, đặc biệt là bất đồng trong cuộc sống, trong sinh hoạt gia đình, trong công việc, trong làm ăn kinh tế, mỗi người một chí hướng, không tìm được tiếng nói chung, không có sự tôn trọng lẫn nhau và nghi ngờ nhau không chung thủy, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi vã, xúc phạm nhau thậm chí nhiều lần còn xảy ra xô xát nhau. Do mâu thuẫn đã trầm trọng nên tháng 10 năm 2017 vợ chồng tự sống ly thân không còn quan hệ tình cảm.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức... nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là T, sinh ngày 05/10/2015 và T, sinh ngày 08/10/2016 hiện đều đang ở cùng anh; do chị T công ăn việc làm và chỗ ở không ổn định, vì vậy ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con; để chứng minh về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh cung cấp cho Tòa hợp đồng lao động làm việc tại Công ty cổ phần đầu tư Sông Đà Việt Đức cùng sao kê bảng lương với mức thu nhập trên 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết

Tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2018 và ngày 24/7/2018 bị đơn chị Nguyễn Thị Hoài T trình bày:

Chị với anh Vũ Văn T kết hôn với nhau từ năm 2015 là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn C, xã T, huyện Phú Xuyên. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, phần khác vợ chồng nghi ngờ nhau không chung thủy vợ chồng, không tin tưởng nhau trong cuộc sống từ đó thường xuyên to tiếng cãi vã xúc phạm nhau. Cho đến tháng 03/2018 chị bỏ đi khỏi nhà anh T và sống ly thân nhau cho đến nay.

Trước yêu cầu khởi kiện của anh T, chị có quan điểm: Do tình cảm vợ chồng nên chị đồng ý ly hôn anh T để giải thoát cho cả hai.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là T, sinh ngày 05/10/2015 và T, sinh ngày 08/10/2016 hiện đang ở cùng anh T; do điều kiện kinh tế khó khăn, công ăn việc làm và chỗ ở không ổn định nên ly hôn chị để anh T nuôi cả hai con chung và chị xin tạm miễn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có nên chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Đại diện VKSND tham gia phiên tòa xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa...

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, mặt khác phía bị đơn chị Nguyễn Thị Hoài T cũng đồng ý ly hôn nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của anh Vũ Văn T và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho anh Vũ Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Hoài T; giao hai con chung là T, sinh ngày 05/10/2015 và T, sinh ngày 08/10/2016 cho anh Vũ Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm miễn cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị Hoài T; tài sản

chung các bên đều không đề nghị Tòa xét nên không xét; công nợ chung các bên khẳng định không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ và cư trú tại thôn C, xã T, huyện X vì vậy TAND huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị Hoài T là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội (Đăng ký kết hôn số 28, Quyền số 01/2015 ngày 21/4/2015). Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cộng với tính cách không hòa hợp mỗi bên, không tôn trọng, tin tưởng nhau trong cuộc sống từ đó nảy sinh những xung đột mà đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng từ đầu năm 2018 khiến chị T bỏ đi khỏi nhà anh T, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng cho đến nay.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T đã đến mức trầm trọng bởi tình cảm vợ chồng thực sự không còn do hai bên chủ động sống ly thân nhau, đời sống vợ chồng không có cơ hội hàn gắn bởi từ hai phía đều không ai mong muốn đoàn tụ, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình vì thế không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, không còn ý nghĩa; quá trình tố tụng, trước yêu cầu ly hôn của anh T, phía chị T có quan điểm đồng ý ly hôn.... Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của anh T xin ly hôn chị T là có căn cứ, nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh T ly hôn chị T.

Về con chung: Anh T và chị T có 02 con chung là T, sinh ngày 05/10/2015 và T, sinh ngày 08/10/2016.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù cả hai con chung của anh T, chị T đều dưới 36 tháng tuổi, song do chị T nghề nghiệp, chỗ ở không ổn định và có quan điểm đồng ý để anh T nuôi dưỡng cả hai con chung; phía anh T có công việc, thu nhập ổn định và đảm bảo điều kiện về nuôi con chung, mặt khác cả hai con chung đang ở cùng anh T, vì vậy để đảm bảo quyền lợi cũng như tính ổn định trong sự phát triển của các con chung, cần chấp nhận yêu cầu của anh T về nuôi hai con chung và nghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị Tòa xét nên Tòa không xét.

Về công nợ chung: Các bên đều khẳng định vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa không xét.

Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Vũ Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Hoài T.

2. Về con chung: Giao hai con chung của anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị Hoài T là T, sinh ngày 05/10/2015 và T, sinh ngày 08/10/2016 cho anh Vũ Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm miễn cho chị Nguyễn Thị Hoài T việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Hoài T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị xem xét nên không xét.

4. Về án phí: Anh Vũ Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005068 ngày 07/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Anh T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Anh Phương

